

**TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 28-01-2026

Về việc ly hôn và nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Trường Hận.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Tấn Đẻ và bà Phạm Thanh Tuyền.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Trúc Thu - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7 - An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - An Giang tham gia phiên tòa: Ông Phạm Hoàng Nam - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 01 năm 2026, tại Tòa án nhân dân khu vực 7 - An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 120/2025/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 11 năm 2025 về việc “*Ly hôn và nuôi con*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 08/01/2026, giữa các đương sự:

1- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Ngọc T, sinh ngày 21/7/2000; địa chỉ: Ấp S, xã Đ, tỉnh Cà Mau. Căn cước số 096300010794, cấp ngày 21/7/2025.

2- Bị đơn: Anh Đồng Văn D, sinh ngày 01/01/1996; địa chỉ: Ấp T, xã Đ, tỉnh An Giang. Căn cước số 091096007254.

(Giấy chứng nhận kết hôn số: 113/2020, đăng ký ngày 04/8/2020 tại UBND xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau)

Chị T, anh D có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1]- Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là chị T trình bày: Anh chị kết hôn năm 2020, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K (nay là xã Đ). Trong quá trình chung sống xảy ra nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, sống không hợp nhau, hôn nhân không hạnh phúc. Gia đình hai

bên đã hàn gắn nhưng không thành, anh chị đã sống ly thân khoảng 04 năm nay. Nay tình cảm không còn, không thể sống chung với nhau được nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn.

Anh chị có 01 người con chung là Đồng Bảo Q, sinh ngày 29/7/2020, hiện đang sống chung chị T. Chị T yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi con, không yêu cầu anh D cấp dưỡng. Chị T trình bày không tài sản, không nợ chung nên không yêu cầu giải quyết.

[2]- Bị đơn là anh D có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt nên không có lời trình bày tại phiên tòa. Nhưng tại đơn xin vắng mặt đề ngày 26/11/2025 anh D có trình bày: Thống nhất ly hôn với chị T, có 01 người con chung là Đồng Bảo Q. Khi ly hôn yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng. Anh chị không có tài sản chung, không yêu cầu gì khác.

[3]- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đương sự thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ của mình. Nguyên đơn và bị đơn đều có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt là đúng quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T đối với anh D và giao con cho chị T tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng. Không ai yêu cầu gì khác nên đề nghị không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Chị T yêu cầu ly hôn nên Tòa án thụ lý đơn giải quyết theo khoản 1 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình. Chị T yêu cầu được ly hôn và yêu cầu giải quyết quyền nuôi con nên xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “*Ly hôn và nuôi con*”.

Các đương sự đều có đơn xin giải quyết vắng mặt nên vụ án không tiến hành hòa giải được theo Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Hội đồng xét xử căn cứ Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đương sự theo quy định.

[2] Về hôn nhân: Năm 2020 anh D và chị T đăng ký kết hôn đúng quy định của pháp luật (Giấy chứng nhận kết hôn số: 113/2020, đăng ký ngày 04/8/2020 tại UBND xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau) nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Trong quá trình chung sống, anh chị xảy ra mâu thuẫn và sống ly thân khoảng 04 năm nay.

Xét thấy, anh D và chị T đã xảy ra mâu thuẫn thời gian dài, hiện nay mỗi người sống một nơi. Tòa án đã tổ chức hòa giải để tạo điều kiện cho anh chị hàn gắn nhưng anh chị đều xin vắng mặt nên không tiến hành hòa giải được. Anh chị là vợ chồng nhưng không có sự quan tâm, chăm sóc, chia sẻ lẫn nhau là vi phạm Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình. Mâu thuẫn giữa anh chị đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị T và thống nhất theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về việc cho chị T được ly hôn với anh D.

[3] Về con chung: Anh chị có một người con chung là cháu Đồng Bảo Q, sinh ngày 29/7/2020, hiện tại chị T đang nuôi dưỡng. Chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi con, anh D cũng có nguyện vọng nuôi con.

Xét thấy, từ bé cháu Q đã sống chung với chị T, cháu Q được chị T nuôi dạy tốt, chị T hiện tại đủ điều kiện nuôi con, việc thay đổi người nuôi sẽ ảnh hưởng không tốt đến cháu Q. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận theo yêu cầu của chị T và đề nghị của Viện kiểm sát về việc giao con chung cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng.

Cấp dưỡng nuôi con là quyền lợi của chị T nhưng chị không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Các đương sự không yêu cầu giải quyết về tài sản nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu phát sinh tranh chấp, đương sự có quyền nộp đơn khởi kiện thành vụ án khác.

[5] Về án phí sơ thẩm: Chị T là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên chịu án phí theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 6, 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Như vậy, chị T phải chịu án phí là 300.000 đồng, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 92, 147, 207, 228, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 19, 51, 53, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 6, 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của

Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Ngọc T đối với anh Đồng Văn D. Chị T được ly hôn với anh D.

2- Về con chung: Giao Đồng Bảo Q, sinh ngày 29/7/2020, cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Anh D có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở. Trường hợp chị T vi phạm nghĩa vụ nuôi con hoặc không còn đủ điều kiện nuôi con thì anh D có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3- Về án phí sơ thẩm: Chị Nguyễn Ngọc T chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình; được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008606 ngày 13/11/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh An Giang.

4- Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND khu vực 7;
- Phòng THADS khu vực 7;
- UBND xã Đá Bạc;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Trường Hận